

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/10/2019
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mến

Ông Nguyễn Hữu Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị C**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: ấp K, xã K1, huyện T2, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Bá T**, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ ấp V, xã V1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 29/7/2019, nguyên đơn chị Ngô Thị C trình bày: Chị và anh Nguyễn Bá T thành hôn vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long ngày 25/5/2009. Thời gian vợ chồng chung sống được gần 10 năm lúc đầu có hạnh phúc, sau thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm

nên vợ chồng đã ly thân nhau khoảng 03 năm nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tường D, sinh ngày 16/02/2010 và Nguyễn Ngô Phát Đ, sinh ngày 12/3/2012 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị C không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/8/2019 bị đơn anh Nguyễn Bá T trình bày: Thời gian đầu vợ chồng anh sống chung rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng cùng đi Sài Gòn lập nghiệp, do việc làm ăn nên vợ chồng không sống gần nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm về tài chính và anh hùn vốn làm ăn bị thất bại nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Chị C xin ly hôn anh không đồng ý, anh xin được đoàn tụ. Về con chung, anh chị C có 02 con chung như chị C trình bày. Con chung từ nhỏ sống chung với ông bà nội khi anh làm ăn thất bại, chị C chuyển trường cho 02 con về quê ngoại học. Hiện tại anh đã chuyển cháu Nguyễn Ngô Phát Đ trở về học tại Trường tiểu học V1. Anh yêu cầu được nuôi cháu Đ, để chị C tiếp tục nuôi cháu D. Tài sản chung nợ chung không có.

Tại Biên bản tiếp xúc ngày 19/8/2019 cháu Nguyễn Ngô Phát Đ trình bày: Cháu từ nhỏ sống chung với ông bà nội học mẫu giáo tại trường V1. Năm học lớp 1 mẹ rước về ngoại và học ở quê ngoại, nguyện vọng con muốn được sống với cha và ông bà nội nên cha rước con về học tại Trường Tiểu học V1.

Tại biên bản xác minh ngày 08/10/2019 ông Lý Thanh P Hiệu Trưởng Trường Tiểu Học V1 trình bày: Đầu năm học 2019-2020 trường có tiếp nhận học sinh Nguyễn Ngô Phát Đ chuyển từ Trường tiểu học 1 K1 về. Theo hồ sơ cháu Đ đã hoàn thành chương trình lớp 1 nhưng qua khảo sát kiến thức của cháu thì cháu không biết đọc, biết viết nên trường cho cháu học lại chương trình lớp 1. Hiện cháu do ông bà nội chăm sóc, cháu học rất nghiêm túc, đi học đầy đủ, gia đình có tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm cho cháu.

Tại biên bản xác minh ngày 08/10/2018 bà Nguyễn Thị H mẹ ruột của anh Nguyễn Bá T trình bày: Anh T, chị C sau khi thành hôn sống chung với bà tại ấp V, xã V1. Năm 2012 chị C sinh con thứ 2 cháu Đ được vài tháng gửi 02 con cho bà chăm sóc. Anh T, chị C đi Bình Dương làm thuê, do vợ chồng ở xa không sống chung một nhà nên anh T đã quen với người phụ nữ khác, bị gạt hết tiền nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Bà đã nhiều lần khuyên răn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị C vẫn kiên quyết ly hôn. Hiện Cháu Đ đang sống chung với bà, học tại Trường tiểu học V1, cháu đã được học qua lớp 1 nhưng khi chuyển đến trường khảo sát lại cháu không đọc, không viết được nên trường đã cho cháu học lại lớp 1, hiện cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần và rất chăm học. Bà không muốn vợ chồng anh T ly hôn nhưng chị C kiên quyết ly hôn và được Tòa án chấp nhận bà mong muốn được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ như ý kiến anh T.

Tại phiên tòa:

Bị đơn anh Nguyễn Bá T trình bày: Từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị C đưa 02 con về học tại huyện T2, tỉnh Cà Mau, anh có đến thăm các con nhưng không gặp chị C, hiện tại anh không biết chị C đang làm gì ở đâu. Nếu chị C kiên quyết ly hôn anh thống nhất. Về con chung anh đồng ý để cháu D sống với chị C, anh yêu cầu được nuôi cháu Đ theo nguyện vọng của các cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng có gửi văn bản trình bày ý kiến, không tham gia các phiên hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ và phiên tòa là vi phạm quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị C. Xử cho chị Ngô Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Bá T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường D, sinh ngày 16/02/2010 cho chị Ngô Thị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngô Phát Đ, sinh ngày 12/3/2012 cho anh Nguyễn Bá T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị C, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị C có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Ngô Thị C có văn bản đề nghị xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị C và anh Nguyễn Bá T thành hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long ngày

25/5/2009 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống chị Ngô Thị C và anh Nguyễn Bá T đều trình bày vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm do vợ chồng không sống chung với nhau. Tại phiên tòa anh T trình bày thời gian vợ chồng làm tại Bình Dương, vợ chồng làm nghề tự do nhưng chị C và anh mỗi người làm ở một địa phương khác nhau, vợ chồng không sống chung với nhau nên đã xảy ra mâu thuẫn. Hội đồng xét xử nhận thấy: chị C và anh T làm nghề tự do nhưng không sắp xếp công việc để vợ chồng sống chung cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, gia đình 02 bên đã tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả. Mặc khác, chị C đã gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn nhưng Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần chị C đều vắng mặt nên Tòa án đã đình chỉ theo Quyết định giải quyết vụ dân sự số 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2019. Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án lẽ ra chị C, anh T đoàn tụ nhưng đến ngày 29/7/2019 chị C tiếp tục gửi đơn xin ly hôn và yêu cầu vắng mặt hòa giải, xét xử. Chứng tỏ, chị C không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Ngô Thị C là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Ngô Thị C và anh Nguyễn Bá T có 02 con chung tên Nguyễn Tường D, sinh ngày 16/02/2010 hiện đang sống chung với chị C và Nguyễn Ngô Phát Đ, sinh ngày 12/3/2012 hiện đang sống chung với anh T. Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2019 và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện (02 bản khai ghi ý kiến cháu D và cháu Đ) chị C yêu cầu được nuôi 02 con. Ngày 19/8/2019 anh T đã chuyển trường cho cháu Đ về học tại Trường tiểu học V1. Hiện cháu Đ đang học và sống chung với anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung nhưng anh T chuyển trường và rước cháu Đ về sống chung với anh T, chị C cũng không có ý kiến phản đối. Mặc khác, tại biên bản tiếp xúc ngày 19/8/2019 cháu Nguyễn Ngô Phát Đ có nguyện vọng được sống với cha, tại biên bản xác minh ngày 08/10/2019 ông Lý Thanh P hiệu Trưởng trường Tiểu học V1 và bà Nguyễn Thị H mẹ ruột của anh T xác định cháu Nguyễn Ngô Phát Đ đang hiện đang học tại Trường tiểu học V1 và đang sống chung với bà H tại ấp V, xã V1. Để đảm bảo cho việc phát triển bình thường, ổn định, cuộc sống, việc học theo nguyện vọng của con cháu D, cháu Đ. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Tường D, sinh ngày 16/02/2010 cho chị Ngô Thị C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu Nguyễn Ngô Phát Đ, sinh ngày 12/3/2012 cho anh Nguyễn Bá T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và

gia đình. Chị C và anh T là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Ngô Thị C và bị đơn anh Nguyễn Bá T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Ngô Thị C có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị C ly hôn với anh Nguyễn Bá T

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường D, sinh ngày 16/02/2010 cho chị Ngô Thị C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Ngô Phát Đ, sinh ngày 12/3/2012 cho anh Nguyễn Bá T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Ngô Thị C và anh Nguyễn Bá T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Ngô Thị C nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0015538 ngày 29/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị C đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án, riêng nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã V1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu Nga